

Số: **304/2025/QĐST-HNGĐ**

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2025/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Thên Hương G**, sinh năm 1985

- *Bị đơn:* Anh **Lương Văn G1**, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Ngân hàng N1** (tên viết tắt A) chi nhánh Y; địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Thành H** – Chức vụ: Giám đốc. Người được uỷ quyền của Giám đốc: Ông **Phạm Thùy D** – Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng (Giấy uỷ quyền số 1411/UQ-NHNo.YS-TH ngày 05/11/2025).

2. Phòng giao dịch Ngân hàng G3

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện: Ông Trương Việt H1 - Giám đốc Phòng giao dịch. Người được uỷ quyền của Giám đốc phòng giao dịch: Bà Nguyễn Thị Hiền D1 - Cán bộ tín dụng phòng giao dịch (Giấy uỷ quyền số 17/NHCS-UQ ngày 05/11/2025).

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 275, 280, 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/11/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Thèn Hương G và anh Lương Văn G1 (*Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nay là UBND xã T, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung*: Chị Thèn Hương G và anh Lương Văn G1 đều xác nhận anh chị có 02 con chung là cháu Lương Thùy T, sinh ngày 08/02/2007 và cháu Lương Thành N, sinh ngày 07/11/2012.

Anh chị nhất trí thỏa thuận: Giao cháu Lương Thành N, sinh ngày 07/11/2012 cho chị Thèn Hương G là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn G1 phải cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2025. Anh G1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với cháu Lương Thùy T đã đủ tuổi trưởng thành có khả năng nhận thức, lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

* *Về đất đai, tài sản chung*: Chị Thèn Hương G và anh Lương Văn G1 đều xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về công nợ chung*: Chị Thèn Hương G, anh Lương Văn G1, A chi nhánh Y và Phòng giao dịch Ngân hàng G3 cùng thống nhất thỏa thuận:

- Anh Lương Văn G1 có nghĩa vụ thanh toán cho A chi nhánh Y số tiền nợ tính đến ngày 05 tháng 11 năm 2025 là: 100.431.507đ (*Một trăm triệu bốn trăm ba một nghìn năm trăm linh bảy đồng*), trong đó, dư nợ gốc: 100.000.000 đồng, lãi là 431.507 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 8102LAV202303119/HĐTD ngày 10/10/2023 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 8102LAV202303119/HĐSD ngày 10/10/2025 đã ký giữa đại diện A chi nhánh Y tại Phòng G3 với bà Thèn Hương G và ông Lương Văn G1 (do bà G1 làm đại diện). Ngoài ra anh G1 phải chịu lãi và các khoản phát sinh khác theo quy định từ ngày 05/11/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

- Anh Lương Văn G1 có nghĩa vụ thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng G3 số tiền nợ theo Mã khoản vay 6600000727986359, mang tên người vay là bà Thèn Hương G, số nợ là 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*); Lãi suất: 6,6%/năm; Ngày vay: 07/4/2024. Hạn trả nợ cuối cùng ngày: 07/04/2029.

* *Về án phí*:

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:

+ Chị Thèn Hương G thuộc trường hợp hộ nghèo, người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*);

+ Anh Lương Văn G1 thuộc trường hợp hộ nghèo, người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- *Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:*

+ Đối với khoản nợ của A chi nhánh Y: Do anh Lương Văn G1 thuộc trường hợp hộ nghèo, người dân tộc thiểu số (dân tộc Tày) sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.255.393đ (*Một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng*). Anh G1 nhận nộp thay cho A Chi nhánh Y khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 1.255.393đ (*Một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba đồng*). A Chi nhánh Y không phải chịu án phí.

+ Đối với khoản nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng G3: Anh Lương Văn G1 được miễn khoản án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, số tiền là 625.000đ (*Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Phòng giao dịch Ngân hàng G3 không phải chịu án phí.

Chị Thèn Hương G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Trung Sơn, tỉnh Tuyên Quang (Nơi ĐKKH);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Quan Thị Thu Trang